

Số: 567/TB-VTCB

Cửa Ông, ngày 15 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: Mua sắm Vật tư, phụ tùng ô tô, máy xúc.

Kế hoạch: Mua sắm Vật tư, phụ tùng ô tô, máy xúc.

Kính gửi: Các Nhà thầu.

Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc xin trân trọng cảm ơn các Nhà thầu đã quan tâm và tham dự chào hàng cạnh tranh gói thầu: Mua sắm Vật tư, phụ tùng ô tô, máy xúc thuộc Kế hoạch: Mua sắm Vật tư, phụ tùng ô tô, máy xúc của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc.

Ngày 15/10/2026 Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc đã ban hành quyết định số 566/QĐ-VTCB về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm Vật tư, phụ tùng ô tô, máy xúc thuộc Kế hoạch: Mua sắm Vật tư, phụ tùng ô tô, máy xúc của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc.

Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc xin thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

1. Thông tin về gói thầu:

- Tên chủ đầu tư, bên mời thầu: Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc.
- Tên gói thầu: Mua sắm Vật tư, phụ tùng ô tô, máy xúc.
- Tên kế hoạch: Mua sắm Vật tư, phụ tùng ô tô, máy xúc.
- Số TBMT: 528/TB-VTCB ngày 02 tháng 10 năm 2026.
- Giá gói thầu: 3.114.204.840 VNĐ (Bằng chữ: Ba tỉ một trăm mười bốn triệu hai trăm linh tư nghìn tám trăm bốn mươi đồng) (Đã bao gồm thuế GTGT).
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hình thức LCNT: Chào hàng cạnh tranh.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn/01 túi hồ sơ.

2. Nhà thầu trúng thầu:

- Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Việt Ý QN – MST: 5702134966.

- Giá dự thầu: 3.114.204.840 VNĐ (Bằng chữ: Ba tỉ một trăm mười bốn triệu hai trăm linh tư nghìn tám trăm bốn mươi đồng) (Đã bao gồm thuế GTGT).

- Giá trúng thầu: 3.114.204.840 VNĐ (Bằng chữ: Ba tỉ một trăm mười bốn triệu hai trăm linh tư nghìn tám trăm bốn mươi đồng) (Đã bao gồm thuế GTGT).

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên thực hiện xong các nghĩa vụ liên quan.

3. Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn:

Công ty Cổ phần Phú Thành Parts.

- Lý do không trúng thầu: Xếp hạng thứ 02 trong 03 nhà thầu.

Công ty TNHH Huy Anh SD.

- Lý do không trúng thầu: Xếp hạng thứ 03 trong 03 nhà thầu.

Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc thông báo đến nhà thầu tham dự thầu được biết. Nhà thầu trúng thầu: Công ty Cổ phần Việt Ý QN sẽ được nhận kèm với thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu này “ Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng”./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị;
- Chỉ huy Công ty;
- Công ty Cổ phần Việt Ý QN;
- Công ty Cổ phần Phú Thành Parts;
- Công ty TNHH Huy Anh SD;
- Lưu: CBVT, TCKT, T09.

GIÁM ĐỐC



Phương Kim Mừng

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: Mua sắm Vật tư, phụ tùng ô tô, máy xúc.

(Kèm theo Quyết định số 567/TB-VTCB ngày 15 tháng 10 năm 2026)

STT	Tên vật tư, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất Xứ
1	1 R12 MB45	Bộ	5,00	150.000	750.000	Trung Quốc
2	1 R12 MB48	Bộ	2,00	160.000	320.000	Trung Quốc
3	1 R12 S41 N lôm (MX)	Bộ	5,00	200.000	1.000.000	Trung Quốc
4	1 R12 S41 N lồi (MX)	Cái	5,00	200.000	1.000.000	Trung Quốc
5	1 R12 S41 N lồi cong 90	Bộ	5,00	250.000	1.250.000	Trung Quốc
6	1/2 2AT S27 Đ lồi (M22).	Bộ	5,00	75.000	375.000	Trung Quốc
7	1/2 2AT S27 HTC bằng	Bộ	5,00	90.000	450.000	Trung Quốc
8	1/2 2AT S27 LX lôm (M22)	Bộ	5,00	90.000	450.000	Trung Quốc
9	1/4 2AT S19 HTC bằng	Bộ	5,00	45.000	225.000	Trung Quốc
10	1/4 2AT S19 N lồi	Bộ	5,00	45.000	225.000	Trung Quốc
11	3/8 2AT S22 HTC bằng	Bộ	5,00	55.000	275.000	Trung Quốc
12	3/8 2AT S22 LX lôm (M16)	Bộ	5,00	55.000	275.000	Trung Quốc
13	3/8 2AT S22 N lồi	Bộ	5,00	55.000	275.000	Trung Quốc
14	Ba dọc lái AM	Cây	2,00	7.500.000	15.000.000	Trung Quốc
15	Ba dọc lái KM 6520 QS	Cây	2,00	4.465.000	8.930.000	Trung Quốc
16	Ba ngang lái đồng bộ xe HD270	Cây	1,00	8.500.000	8.500.000	Trung Quốc
17	Bạc + trục ắc nhíp Auman	Bộ	10,00	450.000	4.500.000	Trung Quốc
18	Bạc + trục ắc nhíp HD270	Bộ	10,00	350.000	3.500.000	Trung Quốc

19	Bạc + trục ắc nhíp KM 6520	Bộ	10,00	450.000	4.500.000	Trung Quốc
20	Bạc ắc 35x45x45	Cái	6,00	450.000	2.700.000	Trung Quốc
21	Bạc ắc 50x60x60	Cái	4,00	280.000	1.120.000	Trung Quốc
22	Bạc ắc 50x60x70	Cái	2,00	360.000	720.000	Trung Quốc
23	Bạc ắc 60x80x60	Cái	2,00	550.000	1.100.000	Trung Quốc
24	Bạc ắc 60x80x80	Cái	2,00	750.000	1.500.000	Trung Quốc
25	Bạc ắc 70x80x70	Cái	2,00	950.000	1.900.000	Trung Quốc
26	Bạc ắc 80x90x60	Cái	2,00	1.125.000	2.250.000	Trung Quốc
27	Bạc ắc 80x90x70	Cái	2,00	1.125.000	2.250.000	Trung Quốc
28	Bạc ắc 80x90x90	Cái	2,00	1.250.000	2.500.000	Trung Quốc
29	Bạc ắc guốc phanh KM6520 (28x34x44)	Cái	5,00	75.000	375.000	Trung Quốc
30	Bạc ba lăng xê Kamaz 6520	Cái	4,00	425.000	1.700.000	Trung Quốc
31	Bạc trục đứng	Cái	20,00	150.000	3.000.000	Trung Quốc
32	Bạc trục đứng 43x52x38	Cái	5,00	150.000	750.000	Trung Quốc
33	Bạc trục đứng 47x56x35	Cái	20,00	150.000	3.000.000	Trung Quốc
34	Bạc trục quả đào (40x46x42)	Cái	15,00	150.000	2.250.000	Trung Quốc
35	Bàn ép côn Auman	Cái	2,00	12.500.000	25.000.000	Trung Quốc
36	Bàn ép côn HD 270	Cụm	1,00	12.500.000	12.500.000	Trung Quốc
37	Bàn ép côn Howo	Cái	3,00	12.500.000	37.500.000	Trung Quốc
38	Bánh răng cầu sau Z31/20	Cái	1,00	7.900.000	7.900.000	Nga
39	Bánh răng hành tinh vi sai cầu KM 6520	Cái	2,00	1.650.000	3.300.000	Nga
40	Bánh răng máy tiện Z20	Cái	1,00	2.500.000	2.500.000	Việt Nam
41	Bánh răng vệ tinh vi sai cầu KM6520	Cái	4,00	500.000	2.000.000	Nga

42	Bánh răng vi sai cài cầu KM6520	Cái	4,00	500.000	2.000.000	Nga
43	Bát phanh T30	Cái	10,00	65.000	650.000	Trung Quốc
44	Bầu phanh lốc kê 350	Cái	5,00	1.350.000	6.750.000	Trung Quốc
45	Bầu phanh lốc kê AM	Cái	5,00	1.550.000	7.750.000	Trung Quốc
46	Bầu phanh lốc kê DF	Cái	1,00	1.350.000	1.350.000	Trung Quốc
47	Bầu phanh lốc kê Howo	Cái	5,00	1.750.000	8.750.000	Trung Quốc
48	Bầu phanh lốc kê KM 6520	Cái	5,00	1.250.000	6.250.000	Trung Quốc
49	Bầu phanh lốc kê KM65115	Cái	1,00	810.000	810.000	Trung Quốc
50	Bầu phanh T30	Cái	10,00	900.000	9.000.000	Trung Quốc
51	Bi chao càng cua GE25ES	Vòng	2,00	350.000	700.000	Trung Quốc
52	Bi chao xi lanh ben KM 6520	Vòng	2,00	850.000	1.700.000	Trung Quốc
53	Bi chữ thập các đăng (52x133)	Cụm	5,00	600.000	3.000.000	Trung Quốc
54	Bi chữ thập các đăng 28x68	Bộ	2,00	290.000	580.000	Trung Quốc
55	Bi chữ thập các đăng 28x70	Vòng	1,00	650.000	650.000	Trung Quốc
56	Bi chữ thập các đăng 57x152	Cụm	5,00	700.000	3.500.000	Trung Quốc
57	Bi chữ thập các đăng ben 30x88	Bộ	4,00	450.000	1.800.000	Trung Quốc
58	Bi chữ thập các đăng lái 19x48	Bộ	1,00	450.000	450.000	Trung Quốc
59	Bi chữ thập các đăng lái 20x47	Cái	1,00	450.000	450.000	Trung Quốc
60	Bi chữ thập các đăng lái HD270	Bộ	1,00	450.000	450.000	Trung Quốc
61	Bi chữ thập các đăng sau HD270	Bộ	3,00	1.850.000	5.550.000	Trung Quốc
62	Bi chữ thập các đăng trước HD (49x205)	Bộ	3,00	2.500.000	7.500.000	Trung Quốc
63	Bi may ơ trước 32028	Vòng	1,00	7.500.000	7.500.000	Nhật Bản
64	Bi may ơ trước 32036(O2C-9867)	Vòng	1,00	12.000.000	12.000.000	Trung Quốc

65	Bi tê côn AM	Cụm	3,00	2.500.000	7.500.000	Trung Quốc
66	Bi tê côn HD	Bộ	2,00	2.250.000	4.500.000	Hàn Quốc
67	Bi tê Kamaz 6520	Cụm	2,00	3.325.000	6.650.000	Trung Quốc
68	Bi tỷ trục đứng 329910	Vòng	20,00	750.000	15.000.000	Trung Quốc
69	Bi tỷ trục đứng HD270	Vòng	10,00	850.000	8.500.000	Hàn Quốc
70	Bi tỷ trục đứng KM6520	Vòng	10,00	1.500.000	15.000.000	Trung Quốc
71	Bi trục đuôi cầu giữa 6212	Vòng	2,00	1.150.000	2.300.000	Nhật Bản
72	Bìa Amiăng 0,5 ly	Tờ	2,00	190.000	380.000	Trung Quốc
73	Bìa amiăng 1ly	Tờ	5,00	180.000	900.000	Trung Quốc
74	Bìa Amiăng 2ly	Tờ	2,00	333.000	666.000	Trung Quốc
75	Bình + mô tơ bơm nước rửa kính	Cái	2,00	1.850.000	3.700.000	Nga
76	Bình nước rửa kính HD270	Cái	2,00	3.200.000	6.400.000	Trung Quốc
77	Bình ngưng tròn KM 6520	Cái	1,00	360.000	360.000	Trung Quốc
78	Bình ngưng vuông KM 6520	Cái	1,00	1.400.000	1.400.000	Trung Quốc
79	Bình tích áp lái MX Volvo L150H	Quả	6,00	16.150.000	96.900.000	Thổ Nhĩ Kỳ
80	Bóng đèn 24v-10w	Cái	20,00	3.000	60.000	Việt Nam
81	Bóng đèn 24V-21W	Cái	40,00	3.500	140.000	Trung Quốc
82	Bóng đèn 24V-5W	Cái	5,00	6.000	30.000	Trung Quốc
83	Bóng đèn H4 24V-90W	Cái	10,00	52.000	520.000	Trung Quốc
84	Bóng H3 24v - 70W	Cái	20,00	30.000	600.000	Việt Nam
85	Bóng H7 24v-70w	Cái	15,00	114.000	1.710.000	Trung Quốc
86	Bộ gioăng phốt piston phanh cầu thấp	Bộ	1,00	3.500.000	3.500.000	Trung quốc
87	Bộ phốt piston kích ca bin HD (28x36x6)	Bộ	1,00	350.000	350.000	Nhật Bản

88	Bơm ben Auman	Cái	2,00	17.500.000	35.000.000	Trung Quốc
89	Bơm cấp liệu Km6520 (bơm cao áp)	Cái	2,00	650.000	1.300.000	Nga
90	Bơm lái Auman	Cái	2,00	13.500.000	27.000.000	Trung Quốc
91	Bơm lái HD270	Cái	1,00	10.640.000	10.640.000	Trung Quốc
92	Bơm lái KM6520	Cái	2,00	3.900.000	7.800.000	Trung Quốc
93	Bơm nước Auman	Cái	2,00	12.500.000	25.000.000	Trung Quốc
94	Bơm nước KM 1307010	Cái	1,00	3.130.000	3.130.000	Nga
95	Bơm nước rửa kính MX	Cái	2,00	850.000	1.700.000	Trung Quốc
96	Bu lông các đăng M12x50x1,5	Bộ	10,00	35.000	350.000	Trung Quốc
97	Bu lông các đăng M14x50	Bộ	250,00	17.000	4.250.000	Trung Quốc
98	Bu lông các đăng M16x50	Bộ	200,00	17.000	3.400.000	Trung Quốc
99	Bu lông các đăng M16x70	Bộ	20,00	30.000	600.000	Trung Quốc
100	Bu lông cổ xả M10x100x1.25	Bộ	30,00	25.000	750.000	Trung Quốc
101	Bu lông cổ xả M10x115x1,5	Bộ	40,00	55.000	2.200.000	Trung Quốc
102	Bu lông dầu M10x30	Cái	10,00	15.000	150.000	Trung Quốc
103	Bu lông giăng cầu M18x100	Bộ	20,00	25.000	500.000	Trung Quốc
104	Bu lông giăng cầu M18x150	Bộ	10,00	17.000	170.000	Trung Quốc
105	Bu lông giăng cầu M18x280	Bộ	20,00	30.000	600.000	Trung Quốc
106	Bu lông giăng cầu M20x120	Bộ	30,00	30.000	900.000	Trung Quốc
107	Bu lông giăng cầu M20x200	Bộ	40,00	35.000	1.400.000	Trung Quốc
108	Bu lông giăng cầu M20x220	Bộ	30,00	65.000	1.950.000	Trung Quốc
109	Bu lông giăng cầu M20x330	Bộ	50,00	41.000	2.050.000	Trung Quốc
110	Bu lông giăng cầu M20x90	Bộ	50,00	45.000	2.250.000	Trung Quốc

111	Bu lông Inox M16x80x2	Bộ	20,00	40.000	800.000	Trung Quốc
112	Bu lông lưỡi gầu MX 24x90	Bộ	100,00	50.000	5.000.000	Trung Quốc
113	Bu lông M10x30x1,25	Bộ	40,00	18.000	720.000	Trung Quốc
114	Bu lông M10x70x1,5	Bộ	40,00	30.000	1.200.000	Trung Quốc
115	Bu lông M12x30x1,25	Bộ	50,00	18.000	900.000	Trung Quốc
116	Bu lông M12x40x1.25	Bộ	50,00	22.000	1.100.000	Trung Quốc
117	Bu lông M12x45x1.25	Bộ	50,00	25.000	1.250.000	Trung Quốc
118	Bu lông M12x50x1,25	Bộ	50,00	17.000	850.000	Trung Quốc
119	Bu lông M16x100x1.5	Bộ	50,00	75.000	3.750.000	Trung Quốc
120	Bu lông M16x50x2	Bộ	30,00	17.000	510.000	Trung Quốc
121	Bu lông M18x50	Bộ	50,00	35.000	1.750.000	Trung Quốc
122	Bu lông M18x70x1.5	Bộ	50,00	37.000	1.850.000	Trung Quốc
123	Bu lông M18x70x2.5	Bộ	50,00	37.000	1.850.000	Trung Quốc
124	Bu lông M20x120	Bộ	50,00	30.000	1.500.000	Trung Quốc
125	Bu lông mặt bích cầu M12x50x1,25	Bộ	40,00	17.000	680.000	Trung Quốc
126	Bu lông tắc kê sau HD270	Bộ	20,00	75.000	1.500.000	Trung Quốc
127	Bu lông tắc kê sau Kamaz 6520	Bộ	50,00	42.000	2.100.000	Trung Quốc
128	Bu lông tắc kê sau M23x135	Bộ	100,00	125.000	12.500.000	Trung Quốc
129	Bu lông tắc kê trước AM	Bộ	50,00	95.000	4.750.000	Trung Quốc
130	Bu lông tắc kê trước F22x135	Bộ	50,00	185.000	9.250.000	Trung Quốc
131	Bu lông tắc kê trước Kamaz 6520	Bộ	50,00	45.000	2.250.000	Trung Quốc
132	Bu lông tắc kê trước xe Hyundai	Bộ	20,00	85.000	1.700.000	Trung Quốc
133	Bu lông xăng tan sau M16x350	Bộ	20,00	36.000	720.000	Trung Quốc

134	Bu lông xăng tan trước	Bộ	20,00	48.000	960.000	Trung Quốc
135	Bu ly tăng dây cu roa điều hòa HD270	Cái	3,00	320.000	960.000	Trung Quốc
136	Bường đuôi hộp số KM6520	Cái	1,00	22.000.000	22.000.000	Trung Quốc
137	Ca xoa MX 85	Bộ	2,00	8.500.000	17.000.000	Trung Quốc
138	Các đăng ben Auman	Cái	3,00	7.800.000	23.400.000	Trung Quốc
139	Các đăng cầu sau KM	Cây	1,00	11.780.000	11.780.000	Trung Quốc
140	Các đăng cầu trước KM 6520	Cây	1,00	25.000.000	25.000.000	Trung Quốc
141	Cảm biến bình ngưng nước làm mát HD	Cái	1,00	2.200.000	2.200.000	Hàn Quốc
142	Cảm biến nhiệt độ điều hòa (16688307)	Cái	2,00	2.133.000	4.266.000	Thổ Nhĩ Kỳ
143	Cảm biến phanh chân KM 6520	Cái	5,00	750.000	3.750.000	Trung Quốc
144	Cảm biến số Howo	Cái	1,00	6.500.000	6.500.000	Trung Quốc
145	Cảm biến số N HD270	Cái	1,00	6.800.000	6.800.000	Trung Quốc
146	Cánh quạt gió động cơ KM	Cái	2,00	3.200.000	6.400.000	Trung Quốc
147	Cánh quạt gió động cơ HD	Cái	1,00	3.200.000	3.200.000	Trung Quốc
148	Cao su bố vải phi 19	Mét	10,00	250.000	2.500.000	Trung Quốc
149	Cao su cổ hút bầu lọc gió AM	Cái	2,00	3.500.000	7.000.000	Trung Quốc
150	Cao su cổ hút kết gió HD270	Cái	1,00	1.650.000	1.650.000	Trung Quốc
151	Cao su cổ tăng áp KM6520	Cái	1,00	165.000	165.000	Trung Quốc
152	Cao su chân hộp số AM	Cái	2,00	750.000	1.500.000	Trung Quốc
153	Cao su chân máy sau AM	Cái	2,00	4.200.000	8.400.000	Trung Quốc
154	Cao su chân máy sau KM6520	Cái	1,00	1.650.000	1.650.000	Trung Quốc
155	Cao su đồn bẫy giảm sóc ca bin AM	Quả	2,00	550.000	1.100.000	Trung Quốc
156	Cao su giảm sóc nhíp trước	Cái	4,00	35.000	140.000	Trung Quốc

157	Cao su giăng cầu AM	Quả	10,00	750.000	7.500.000	Trung Quốc
158	Cao su giăng cầu hạ	Quả	20,00	646.000	12.920.000	Hàn Quốc
159	Cao su giăng cầu Howo	Quả	10,00	750.000	7.500.000	Trung Quốc
160	Căn vi sai cài cầu Auman	Bộ	2,00	450.000	900.000	Trung Quốc
161	Căn vi sai cài cầu KM 6520	Bộ	2,00	230.000	460.000	Nga
162	Căn vi sai cầu Auman	Bộ	4,00	550.000	2.200.000	Trung Quốc
163	Căn vi sai cầu KM 6520	Bộ	3,00	330.000	990.000	Nga
164	Cần gạt mưa	Cái	2,00	180.000	360.000	Trung Quốc
165	Cần gạt mưa AM	Cái	2,00	650.000	1.300.000	Trung Quốc
166	Cầu chì 10A	Cái	10,00	2.000	20.000	Mexico
167	Cầu chì 15A	Cái	5,00	2.000	10.000	Mexico
168	Cầu chì 20A	Cái	20,00	2.000	40.000	Mexico
169	Cầu chì 5A	Cái	10,00	4.000	40.000	Mexico
170	Cóc chỉnh phanh HD270	Cái	3,00	1.950.000	5.850.000	Trung Quốc
171	Cóc chỉnh phanh sau AM	Cái	4,00	1.550.000	6.200.000	Trung Quốc
172	Cóc chỉnh phanh sau DF	Cái	2,00	1.350.000	2.700.000	Thổ Nhĩ Kỳ
173	Cóc chỉnh phanh sau KM 6520	Cái	5,00	820.000	4.100.000	Trung Quốc
174	Cóc chỉnh phanh trước AM	Cái	4,00	1.550.000	6.200.000	Trung Quốc
175	Cóc chỉnh phanh trước KM 6520	Cái	5,00	810.000	4.050.000	Trung Quốc
176	Còi hơi	Bộ	3,00	235.000	705.000	Trung Quốc
177	Còi sên	Cái	4,00	450.000	1.800.000	Trung Quốc
178	Cổ hút bầu lọc gió HD270	Cái	2,00	2.450.000	4.900.000	Hàn Quốc
179	Công tắc 2 chiều	Cái	10,00	85.000	850.000	Trung Quốc

180	Công tắc cắt mát cơ	Cái	2,00	650.000	1.300.000	Trung Quốc
181	Công tắc điều khiển nâng hạ kính HD	Bộ	1,00	3.200.000	3.200.000	Trung Quốc
182	Cơ cấu gạt mưa	Bộ	2,00	3.500.000	7.000.000	Nga
183	Cơ cấu khóa cửa AM	Cái	2,00	2.250.000	4.500.000	Trung Quốc
184	Cơ cấu nâng hạ kính HD270	Bộ	2,00	2.500.000	5.000.000	Hàn Quốc
185	Cơ cấu nâng hạ kính KM6520	Bộ	2,00	3.850.000	7.700.000	Nga
186	Cút nước dưới KM 6520	Cái	2,00	850.000	1.700.000	Trung Quốc
187	Chân ca bin MX Volvo L150H	Quả	8,00	18.500.000	148.000.000	Thổ Nhĩ Kỳ
188	Chân ca bin trước xe KM 6520	Cụm	2,00	1.750.000	3.500.000	Trung Quốc
189	Chân máy sau HD270	Cái	2,00	2.500.000	5.000.000	Hàn Quốc
190	Chổi gạt mưa	Cái	20,00	75.000	1.500.000	Trung Quốc
191	Chổi gạt mưa Howo	Cái	10,00	75.000	750.000	Trung Quốc
192	Chổi gạt mưa Kamaz	Cái	10,00	30.000	300.000	Trung Quốc
193	Chốt vi sai cài cầu M12x44	Cái	10,00	115.000	1.150.000	Trung Quốc
194	Chuột đề AM	Cái	2,00	2.500.000	5.000.000	Trung Quốc
195	Chuột đề xe HD270	Cái	2,00	1.500.000	3.000.000	Trung Quốc
196	Dây cu doa 10PK 1495	Sợi	3,00	850.000	2.550.000	Trung Quốc
197	Dây cu doa 8PK 1500	Sợi	2,00	820.000	1.640.000	Trung Quốc
198	Dây cu roa 10PK 1068	Sợi	5,00	650.000	3.250.000	Trung Quốc
199	Dây cu roa 6PK 1130	Sợi	2,00	550.000	1.100.000	Trung Quốc
200	Dây cu roa 6PK 2140	Sợi	2,00	300.000	600.000	Trung Quốc
201	Dây cu roa 6PK 2250	Sợi	5,00	330.000	1.650.000	Trung Quốc
202	Dây cu roa 6pk 2270	Sợi	5,00	330.000	1.650.000	Trung Quốc

203	Dây cu roa 6PK 794	Sợi	5,00	250.000	1.250.000	Trung Quốc
204	Dây cu roa 8PK 1092	Sợi	5,00	750.000	3.750.000	Trung Quốc
205	Dây cu roa 8PK1080	Sợi	5,00	850.000	4.250.000	Trung Quốc
206	Dây cu roa B85	Sợi	2,00	450.000	900.000	Trung Quốc
207	Dây cu roa B96	Sợi	2,00	500.000	1.000.000	Trung Quốc
208	Dây cu roa CMF 6450	Sợi	5,00	50.000	250.000	Trung Quốc
209	Dây cu roa CMF 8440	Sợi	7,00	60.000	420.000	Trung Quốc
210	Dây cu roa CMF 8520	Sợi	2,00	125.000	250.000	Trung Quốc
211	Dây cu roa CMF 8720	Sợi	5,00	165.000	825.000	Trung Quốc
212	Dây đi số dài Howo	Cái	2,00	1.250.000	2.500.000	Trung Quốc
213	Dây đi số ngắn Howo	Cái	2,00	1.200.000	2.400.000	Trung Quốc
214	Đai tăng áp 30283	Cái	3,00	450.000	1.350.000	Trung Quốc
215	Đáy các te AM	Cái	2,00	4.500.000	9.000.000	Trung Quốc
216	Đầu ba ngang Howo	Cái	6,00	1.650.000	9.900.000	Trung Quốc
217	Đầu bọp đồng	Cái	30,00	9.000	270.000	Trung Quốc
218	Đầu nối ba ngang AM	Cái	10,00	1.550.000	15.500.000	Trung Quốc
219	Đầu nối ba ngang KM6520	Cái	4,00	1.250.000	5.000.000	Trung Quốc
220	Đầu rô tuyền ba dọc lái xe Auman	Quả	4,00	1.150.000	4.600.000	Trung Quốc
221	Đầu vòi phun KM 6520	Cái	8,00	350.000	2.800.000	Trung Quốc
222	Đèn hậu	Cái	6,00	235.000	1.410.000	Trung Quốc
223	Đèn hậu HD270	Cái	2,00	238.000	476.000	Hàn Quốc
224	Đèn lùi tròn (vàng)	Cái	5,00	50.000	250.000	Trung Quốc
225	Đèn lùi tròn (trắng)	Cái	5,00	50.000	250.000	Trung Quốc

226	Đèn pha Auman	Cụm	2,00	4.500.000	9.000.000	Trung Quốc
227	Đèn pha HD270	Cái	4,00	3.750.000	15.000.000	Trung Quốc
228	Đèn pha KM 6520	Cái	4,00	750.000	3.000.000	Nga
229	Đèn pha LH Volvo	Cái	1,00	8.500.000	8.500.000	Úc
230	Đèn pha máy xúc.	Cái	2,00	160.000	320.000	Trung Quốc
231	Đèn pha RH Volvo	Cái	1,00	8.500.000	8.500.000	Úc
232	Đề khởi động AM	Cụm	1,00	9.500.000	9.500.000	Trung Quốc
233	Đề khởi động Howo	Cái	1,00	13.500.000	13.500.000	Trung Quốc
234	Đề khởi động KM	Cái	1,00	9.970.000	9.970.000	Trung Quốc
235	Đề khởi động xe HD270	Cụm	1,00	10.500.000	10.500.000	Trung Quốc
236	Đinh tán nhôm F10x26	Túi	50,00	115.000	5.750.000	Trung Quốc
237	Đinh tán phi 6	Kg	10,00	115.000	1.150.000	Trung Quốc
238	Đinh tán phi 8	Kg	10,00	115.000	1.150.000	Trung Quốc
239	Đui đèn xi nhan	Cái	7,00	25.000	175.000	Trung Quốc
240	Gối cầu ba lăng xê	Cái	2,00	4.500.000	9.000.000	Trung Quốc
241	Gối cầu ba lăng xê HD270	Cái	2,00	4.500.000	9.000.000	Trung Quốc
242	Gối chao ba lăng xê AM	Bộ	4,00	2.250.000	9.000.000	Trung Quốc
243	Gối đỡ cầu HD270	Cái	4,00	1.850.000	7.400.000	Trung Quốc
244	Gu rông M10x30x1,25	Bộ	10,00	50.000	500.000	Trung Quốc
245	Gu rông M10x30x1.5	Bộ	10,00	50.000	500.000	Trung Quốc
246	Gu rông M10x50	Bộ	5,00	50.000	250.000	Trung Quốc
247	Gu rông M12x50	Bộ	20,00	60.000	1.200.000	Trung Quốc
248	Gu rông M12x50x 1.75	Bộ	10,00	50.000	500.000	Trung Quốc

249	Gu rông M12x50x1.75	Bộ	10,00	50.000	500.000	Trung Quốc
250	Gu rông M18x80x1,5	Bộ	2,00	115.000	230.000	Trung Quốc
251	Giảm sóc ca bin sau	Cái	4,00	750.000	3.000.000	Trung Quốc
252	Giảm sóc ca bin trước	Cái	4,00	650.000	2.600.000	Trung Quốc
253	Giảm sóc cầu nhíp trước HD 270	Cái	4,00	1.150.000	4.600.000	Hàn Quốc
254	Giảm sóc nhíp cầu sau Howo	Cái	4,00	1.650.000	6.600.000	Trung Quốc
255	Giảm sóc nhíp cầu trước Howo	Cái	4,00	1.750.000	7.000.000	Trung Quốc
256	Giảm sóc nhíp trước KM6520	Cái	2,00	1.300.000	2.600.000	Trung Quốc
257	Gioăng cổ hút KM 6520	Cái	10,00	10.000	100.000	Trung Quốc
258	Gioăng cổ xả AM	Cái	6,00	150.000	900.000	Việt Nam
259	Gioăng cổ xả KM 6520	Cái	8,00	65.000	520.000	Trung Quốc
260	Gioăng đáy các te AM/HW	Cái	4,00	850.000	3.400.000	Trung Quốc
261	Gioăng đáy các te KM	Bộ	2,00	50.000	100.000	Trung Quốc
262	Gioăng mặt máy KM 6520	Bộ	1,00	270.000	270.000	Nga
263	Gioăng phanh Kawasaki 85	Bộ	2,00	2.800.000	5.600.000	Nhật Bản
264	Gioăng phốt bót lái Howo	Bộ	2,00	2.750.000	5.500.000	Trung Quốc
265	Gioăng phốt piston nâng hạ ben Howo	Bộ	2,00	8.500.000	17.000.000	Trung Quốc
266	Gioong chỉ 170x4	Cái	10,00	24.000	240.000	Trung Quốc
267	Gioong chỉ 260x6	Cái	10,00	38.000	380.000	Trung Quốc
268	Hộp điều khiển mô tơ quay bặt	Cái	2,00	2.640.000	5.280.000	Trung Quốc
269	Hộp gioăng (Đò)	Hộp	1,00	380.000	380.000	Trung Quốc
270	Hộp gioăng xanh mỏng	Hộp	1,00	450.000	450.000	Trung Quốc
271	Két nước Kamaz 6520	Cái	1,00	16.500.000	16.500.000	Việt Nam

272	Két sinh hàn KM 6520	Cái	1,00	8.500.000	8.500.000	Nga
273	Khớp lai bơm ben KM6520	Cụm	1,00	10.600.000	10.600.000	Trung Quốc
274	Lá côn com lê Auman	Bộ	2,00	8.000.000	16.000.000	Trung Quốc
275	Lá côn com lê Howo	Bộ	2,00	8.000.000	16.000.000	Trung Quốc
276	Lá côn com lê Huyndai 270	Lá	1,00	4.275.000	4.275.000	Trung Quốc
277	Lá côn Com lê KM 6520	Lá	1,00	8.000.000	8.000.000	Trung Quốc
278	La giăng + tanh 1200-20	Bộ	5,00	2.150.000	10.750.000	Trung Quốc
279	La giăng HD270	Cái	5,00	3.500.000	17.500.000	Trung Quốc
280	Lò xo bầu phanh	Cái	10,00	450.000	4.500.000	Trung Quốc
281	Lò xo guốc phanh KM6520	Cái	10,00	70.000	700.000	Trung Quốc
282	Lò xo giảm sóc ca bin 75x106x210	Cái	2,00	1.250.000	2.500.000	Việt Nam
283	Lò xo giảm sóc ca bin AM	Cái	4,00	950.000	3.800.000	Việt Nam
284	Lò xo phanh sau AM	Cái	5,00	250.000	1.250.000	Trung Quốc
285	Lò xo phanh sau Howo	Cái	5,00	250.000	1.250.000	Trung Quốc
286	Long đèn dầu F14	Cái	5,00	6.000	30.000	Trung Quốc
287	Ly tâm quạt gió KM 6520	Cái	1,00	6.800.000	6.800.000	Trung Quốc
288	Má phanh 12 lỗ (178x19/16x206)	Miếng	48,00	110.000	5.280.000	Trung Quốc
289	Má phanh 12 lỗ KM 6520	Miếng	48,00	90.000	4.320.000	Trung Quốc
290	Má phanh 9 lỗ (178x19/16x160)	Miếng	48,00	90.000	4.320.000	Trung Quốc
291	Má phanh sau Huyndai	Miếng	48,00	160.000	7.680.000	Trung Quốc
292	Má phanh sau HW	Miếng	200,00	215.000	43.000.000	Trung Quốc
293	Má phanh sau xe Auman	Miếng	56,00	85.000	4.760.000	Trung Quốc
294	Má phanh trước 6 lỗ Howo	Miếng	72,00	75.000	5.400.000	Trung Quốc

295	Má phanh trước 8 lỗ Auman	Miếng	48,00	75.000	3.600.000	Trung Quốc
296	Má phanh trước 8 lỗ Howo	Miếng	72,00	85.000	6.120.000	Trung Quốc
297	Má phanh trước HD270	Miếng	48,00	175.000	8.400.000	Trung Quốc
298	Máy phát DH 24v- 60A	Cái	3,00	2.660.000	7.980.000	Hàn Quốc
299	Máy phát điện AM	Cái	1,00	9.500.000	9.500.000	Trung Quốc
300	Máy phát điện HD270	Cái	1,00	14.500.000	14.500.000	Hàn Quốc
301	Mặt bích các đăng cầu sau AM	Cái	2,00	2.200.000	4.400.000	Trung Quốc
302	Mặt máy com lê KM 6520	Cái	2,00	3.040.000	6.080.000	Nga
303	Mặt máy ép hơi HD270	Cái	1,00	4.500.000	4.500.000	Trung Quốc
304	Mỡ láp	Kg	51,00	115.000	5.865.000	Trung Quốc
305	Mỡ tuýp	Tuýp	24,00	75.000	1.800.000	Trung Quốc
306	Nối nhanh 2 đầu Inox phi 10	Cái	10,00	80.000	800.000	Trung Quốc
307	Nối nhanh 2 đầu Inox phi 12	Cái	10,00	85.000	850.000	Trung Quốc
308	Nối nhanh 3 chạc phi 12	Cái	10,00	15.000	150.000	Trung Quốc
309	Nối nhanh đồng phi 6 ren 10	Cái	10,00	25.000	250.000	Trung Quốc
310	Nối nhanh Inox 2 đầu ren phi 16	Bộ	10,00	115.000	1.150.000	Trung Quốc
311	Nối nhanh Inox 2 đầu ren phi 6	Bộ	5,00	70.000	350.000	Trung Quốc
312	Nối nhanh Inox 2 đầu ren phi 8	Bộ	10,00	75.000	750.000	Trung Quốc
313	Nối nhanh Inox 3 chạc phi 12	Cái	10,00	65.000	650.000	Trung Quốc
314	Nối nhanh Inox 3 chạc phi 6	Cái	10,00	45.000	450.000	Trung Quốc
315	Nối nhanh Inox phi 10	Cái	5,00	36.000	180.000	Việt Nam
316	Nối nhanh phi 12	Cái	10,00	13.000	130.000	Trung Quốc
317	Nước làm mát động cơ	Lít	100,00	55.000	5.500.000	Việt Nam

318	Ổ khóa điện xe Auman	Cụm	1,00	3.200.000	3.200.000	Trung Quốc
319	Ổ ngậm cánh cửa HD	Bộ	2,00	1.750.000	3.500.000	Hàn Quốc
320	Ổ ngậm cánh cửa KM6520	Cái	2,00	1.500.000	3.000.000	Trung Quốc
321	Ống xả mềm	Cái	2,00	1.550.000	3.100.000	Trung Quốc
322	Ống xả mềm KM 6520	Cái	2,00	1.100.000	2.200.000	Trung Quốc
323	Piston kích cabin HD270	Cái	1,00	5.500.000	5.500.000	Trung Quốc
324	Phin lọc dầu động cơ KM (giấy)	Cái	20,00	185.000	3.700.000	Nga
325	Phin lọc dầu động cơ KM (sợi)	Cái	20,00	210.000	4.200.000	Việt Nam
326	Phin lọc dầu động cơ Xe téc nước phun sương	Cái	4,00	650.000	2.600.000	Trung Quốc
327	Phin lọc dầu hồi thủy lực SFH7634 (Doosan 300)	Cái	1,00	1.350.000	1.350.000	Indonesia
328	Phin lọc dầu hộp số P766847 (Volvo)	Cái	2,00	3.500.000	7.000.000	Italia
329	Phin lọc dầu lái 57850-7M050	Cái	5,00	350.000	1.750.000	Việt Nam
330	Phin lọc dầu lái AM	Cái	5,00	350.000	1.750.000	Trung Quốc
331	Phin lọc động cơ 26345-84001/26325-84001 (HD)	Bộ	10,00	330.000	3.300.000	Việt Nam
332	Phin lọc động cơ Doosan 300	Cái	3,00	300.000	900.000	Indonesia
333	Phin lọc động cơ P502364 (MX85)	Cái	4,00	400.000	1.600.000	Indonesia
334	Phin lọc động cơ P550425 (Volvo)	Cái	12,00	1.250.000	15.000.000	Indonesia
335	Phin lọc động cơ P551670	Cái	2,00	300.000	600.000	Indonesia
336	Phin lọc động cơ P554004 (Volvo)	Cái	24,00	1.250.000	30.000.000	Indonesia
337	Phin lọc động cơ VG61000070005/105186	Cái	80,00	650.000	52.000.000	Trung Quốc
338	Phin lọc động cơ xe Hyundai	Bộ	10,00	330.000	3.300.000	Việt Nam
339	Phin lọc động cơ xe nâng P558615	Cái	1,00	620.000	620.000	Indonesia
340	Phin lọc gió 2 lõi 721.1109560-10 (Kamaz)	Bộ	4,00	1.200.000	4.800.000	Việt Nam

341	Phin lọc gió Auman	Bộ	4,00	2.200.000	8.800.000	Trung Quốc
342	Phin lọc gió Doosan 300	Bộ	1,00	2.200.000	2.200.000	Indonesia
343	Phin lọc gió điều hòa P500195 (Volvo)	Cái	5,00	2.850.000	14.250.000	Indonesia
344	Phin lọc gió động cơ 28130-7C000 (Hyundai)	Bộ	5,00	1.180.000	5.900.000	Trung Quốc
345	Phin lọc gió ngoài P777871 (Volvo)	Cái	5,00	2.200.000	11.000.000	Trung Quốc
346	Phin lọc gió trong P777875 (Volvo)	Cái	5,00	1.300.000	6.500.000	Phần Lan
347	Phin lọc gió WG9725190102 (Howo)	Bộ	8,00	3.500.000	28.000.000	Trung Quốc
348	Phin lọc gió xe téc nước DF K 3050	Bộ	1,00	1.650.000	1.650.000	Trung Quốc
349	Phin lọc nhiên liệu kamaz	Cái	6,00	55.000	330.000	Việt Nam
350	Phin lọc nhiên liệu KM 6520 (DX150)	Cái	30,00	55.000	1.650.000	Trung Quốc
351	Phin lọc nhiên liệu P552564 (MX85)	Cái	6,00	170.000	1.020.000	Mexico
352	Phin lọc nhiên liệu tinh 1000422382 (Auman)	Cái	10,00	750.000	7.500.000	Trung Quốc
353	Phin lọc nhiên liệu tinh 31945-84000 (HD)	Cái	20,00	415.000	8.300.000	Hàn Quốc
354	Phin lọc nhiên liệu tinh P550529 (Volvo)	Cái	12,00	950.000	11.400.000	Trung Quốc
355	Phin lọc nhiên liệu thô Doosan 300	Cái	3,00	980.000	2.940.000	Trung Quốc
356	Phin lọc nhiên liệu thô FU1103 (Doosan 300)	Cái	1,00	980.000	980.000	Trung Quốc
357	Phin lọc nhiên liệu thô PL421 (Howo)	Cái	5,00	850.000	4.250.000	Trung Quốc
358	Phin lọc nhiên liệu thô SFR0901FW (HD)	Cái	5,00	750.000	3.750.000	Indonesia
359	Phin lọc phom xả.	Cái	10,00	620.000	6.200.000	Trung Quốc
360	Phin lọc tinh Doosan 300	Cái	3,00	320.000	960.000	Hà Lan
361	Phin lọc tinh P550372 (Howo)	Cái	10,00	950.000	9.500.000	Indonesia
362	Phin lọc tinh P550880	Cái	2,00	320.000	640.000	Indonesia
363	Phin lọc tinh xe téc nước phun sương	Cái	1,00	580.000	580.000	Trung Quốc

364	Phin lọc thô P550748 (Volvo)	Cái	12,00	1.650.000	19.800.000	Indonesia
365	Phin lọc thô PL420	Cái	20,00	170.000	3.400.000	Trung Quốc
366	Phin lọc thô RL6141PL01	Cái	20,00	170.000	3.400.000	Trung Quốc
367	Phin lọc thô xe HD270	Cái	5,00	750.000	3.750.000	Trung Quốc
368	Phin lọc thô xe téc nước phun sương	Cái	2,00	750.000	1.500.000	Trung Quốc
369	Phin lọc thông hơi P959083 (Volvo)	Cái	24,00	950.000	22.800.000	Thổ Nhĩ Kỳ
370	Phin lọc thông hơi thùng thủy lực P500196 (Volvo)	Cái	3,00	950.000	2.850.000	Indonesia
371	Phin lọc thủy lực 17410280 (Volvo)	Cái	3,00	5.500.000	16.500.000	Trung Quốc
372	Phom xả HD270	Cụm	1,00	6.800.000	6.800.000	Trung Quốc
373	Phom xả KM	Cụm	1,00	1.000.000	1.000.000	Trung Quốc
374	Phốt 32x50x10	Cái	2,00	210.000	420.000	Trung Quốc
375	Phốt 45x60x7	Cái	5,00	85.000	425.000	Nhật Bản
376	Phốt 70x92x12	Cái	2,00	250.000	500.000	Trung Quốc
377	Phốt 80x105x13.	Cái	5,00	189.000	945.000	Nhật Bản
378	Phốt áp lực AP2085	Cái	5,00	590.000	2.950.000	Nhật Bản
379	Phốt ba lăng xê AM 160x185x10,5	Cái	5,00	650.000	3.250.000	Trung Quốc
380	Phốt bơm ben AP 1709	Cái	1,00	480.000	480.000	Nhật Bản
381	Phốt bơm nước 18x20x36	Cái	2,00	450.000	900.000	Trung Quốc
382	Phốt cài bơm ben 30x44x9	Cái	2,00	165.000	330.000	Nhật Bản
383	Phốt cầu Auman 85x105x16	Cái	10,00	350.000	3.500.000	Trung Quốc
384	Phốt cầu ba lăng xê	Cái	2,00	105.000	210.000	Hàn Quốc
385	Phốt chắn dầu 120x150x12	Cái	4,00	150.000	600.000	Nhật Bản
386	Phốt chắn dầu 35x52x8	Cái	5,00	400.000	2.000.000	Nhật Bản

387	Phốt chắn dầu 35x65x12	Cái	2,00	450.000	900.000	Nhật Bản
388	Phốt chắn dầu 36x62x10	Cái	5,00	135.000	675.000	Nhật Bản
389	Phốt chắn mỡ 40x49x5	Cái	10,00	65.000	650.000	Trung Quốc
390	Phốt đầu quả dứa HD (80x142x12/33)	Cái	2,00	450.000	900.000	Trung Quốc
391	Phốt đuôi hộp số 750111341 KM	Cái	2,00	350.000	700.000	Thổ Nhĩ Kỳ
392	Phốt đuôi trục cơ 120x150x12	Cái	2,00	150.000	300.000	Trung Quốc
393	Phốt đuôi trục cơ 120x150x14	Cái	3,00	150.000	450.000	Trung Quốc
394	Phốt may ơ sau 190x220x22	Bộ	5,00	550.000	2.750.000	Trung Quốc
395	Phốt may ơ sau HD270	Cái	10,00	60.000	600.000	Hàn Quốc
396	Phốt may ơ sau KM 6520	Cái	20,00	56.000	1.120.000	Trung Quốc
397	Phốt may ơ trước AM	Cái	10,00	250.000	2.500.000	Trung Quốc
398	Phốt may ơ trước HD270	Cái	6,00	125.000	750.000	Hàn Quốc
399	Phốt may ơ trước KM 6520	Cái	5,00	43.000	215.000	Trung Quốc
400	Phốt piston ben 190x175x10	Cái	4,00	1.750.000	7.000.000	Trung Quốc
401	Phốt piston ben 80x90x6	Cái	4,00	950.000	3.800.000	Trung Quốc
402	Phốt piston ben 90x60x8	Cái	4,00	950.000	3.800.000	Trung Quốc
403	Phốt tổng côn dưới HD270	Bộ	1,00	1.250.000	1.250.000	Hàn Quốc
404	Phốt tổng côn trên KM6520	Bộ	1,00	76.000	76.000	Trung Quốc
405	Phốt thủy lực AP1709	Cái	1,00	480.000	480.000	Nhật Bản
406	Phốt trục chuyển tầng nhanh chậm KM6520	Cái	1,00	350.000	350.000	Thổ Nhĩ Kỳ
407	Phốt trục gài tổng 750112253 KM	Cái	4,00	750.000	3.000.000	Thổ Nhĩ Kỳ
408	Phốt xi lanh ben QS KM6520	Bộ	1,00	5.700.000	5.700.000	Trung Quốc
409	Rô tuyền ba dọc lái (KM6520)	Cái	2,00	157.000	314.000	Trung Quốc

410	Rô tuyền đi số 8x8	Quả	5,00	280.000	1.400.000	Trung Quốc
411	Rô tuyền đi số HD270 10x10	Cái	5,00	280.000	1.400.000	Trung Quốc
412	Rô tuyền đi số ren ngoài	Cái	5,00	320.000	1.600.000	Trung Quốc
413	Rô tuyền đi số ren trong	Cái	10,00	300.000	3.000.000	Trung Quốc
414	Rô tuyền piston trợ lực lái Howo	Cái	10,00	1.750.000	17.500.000	Trung Quốc
415	Rơ le 24v	Cái	5,00	142.000	710.000	Trung Quốc
416	Rơ le 24V AM	Cái	5,00	150.000	750.000	Trung Quốc
417	Rơ le ben HOWO	Cái	5,00	850.000	4.250.000	Trung Quốc
418	Rơ le gài ben HD	Cái	2,00	3.800.000	7.600.000	Trung Quốc
419	Rơ le phụ đề HD270	Cái	2,00	850.000	1.700.000	Trung Quốc
420	Ruột vi sai cài cầu AM	Bộ	1,00	7.500.000	7.500.000	Trung Quốc
421	Tanh la răng 1200-20	Cái	5,00	650.000	3.250.000	Trung Quốc
422	Tay gương chiếu hậu HD	Cái	1,00	3.500.000	3.500.000	Trung Quốc
423	Tay giằng cầu hạ Auman	Cái	4,00	3.500.000	14.000.000	Trung Quốc
424	Tay giằng cầu KM 6520	Bộ	2,00	3.590.000	7.180.000	Trung Quốc
425	Tay mở cửa ngoài + ổ khóa KM6520	Bộ	2,00	1.200.000	2.400.000	Trung Quốc
426	Tay mở cửa ngoài LH HD270	Cái	1,00	1.250.000	1.250.000	Hàn Quốc
427	Tay mở cửa ngoài RH HD270	Cái	1,00	1.250.000	1.250.000	Hàn Quốc
428	Tay mở cửa ngoài xe HD270	Cái	2,00	1.250.000	2.500.000	Hàn Quốc
429	Tay mở cửa trong KM 6520	Cái	2,00	250.000	500.000	Trung Quốc
430	Tay mở cửa trong LH HD270	Cái	1,00	850.000	850.000	Trung Quốc
431	Tay mở cửa trong RH HD270	Cái	1,00	850.000	850.000	Trung Quốc
432	Tay mở cửa trong xe HD270	Cái	2,00	850.000	1.700.000	Trung Quốc

433	Tay quay kính KM6520	Cái	2,00	450.000	900.000	Trung Quốc
434	Tay trang nâng hạ ben Auman	Cái	2,00	3.200.000	6.400.000	Trung Quốc
435	Tấm bua sau Howo	Cái	10,00	6.000.000	60.000.000	Trung Quốc
436	Tấm bua sau xe Huyndai	Cái	2,00	5.300.000	10.600.000	Trung Quốc
437	Tấm bua trước Au man	Cái	2,00	4.500.000	9.000.000	Trung Quốc
438	Tấm bua trước HD270	Cái	2,00	5.300.000	10.600.000	Trung Quốc
439	Tăng áp KM 6520	Cái	2,00	10.100.000	20.200.000	Trung Quốc
440	Tăng dây cu doa AM	Cụm	2,00	2.850.000	5.700.000	Trung Quốc
441	Tích áp điều khiển MX Volvo L150H	Quả	4,00	12.500.000	50.000.000	Thổ Nhĩ Kỳ
442	Tích áp lái (17460997)	Cái	4,00	16.150.000	64.600.000	Thổ Nhĩ Kỳ
443	Tích áp phanh chính (17258319)	Cái	4,00	13.800.000	55.200.000	Đức
444	Tích áp phanh tay và phanh chính (17258321)	Cái	4,00	17.200.000	68.800.000	Đức
445	Tích áp phanh tay và phanh chính Volvo L150H	Quả	4,00	17.200.000	68.800.000	Thổ Nhĩ Kỳ
446	Tích áp phanh tự động (17258322)	Cái	4,00	19.500.000	78.000.000	Thổ Nhĩ Kỳ
447	Tổng côn dưới AM	Cái	2,00	4.500.000	9.000.000	Trung Quốc
448	Tổng côn dưới HD 270	Cái	2,00	3.800.000	7.600.000	Trung Quốc
449	Tổng côn dưới KM 6520.	Cái	2,00	2.400.000	4.800.000	Trung Quốc
450	Tổng côn trên Au man	Cái	2,00	3.500.000	7.000.000	Trung Quốc
451	Tổng côn trên xe Huyndai	Cái	2,00	2.000.000	4.000.000	Hàn Quốc
452	Ty ô 1 1/2 2AT	Mét	5,00	550.000	2.750.000	Trung Quốc
453	Ty ô 1 1/4 2AT	Mét	5,00	500.000	2.500.000	Trung Quốc
454	Ty ô 1 4SH	Mét	40,00	350.000	14.000.000	Trung Quốc
455	Ty ô 1/2 2AT	Mét	100,00	130.000	13.000.000	Trung Quốc

456	Ty ô 1/4 2AT	Mét	20,00	85.000	1.700.000	Trung Quốc
457	Ty ô 3/4 4SH	Mét	20,00	220.000	4.400.000	Trung Quốc
458	Ty ô 3/8 2AT	Mét	20,00	110.000	2.200.000	Trung Quốc
459	Ty ô bầu phanh trước	Cái	5,00	120.000	600.000	Trung Quốc
460	Ty ô hơi đen phi 6	Mét	10,00	35.000	350.000	Trung Quốc
461	Ty ô hơi đen phi 8	Mét	20,00	38.000	760.000	Trung Quốc
462	Ty ô nhựa phi 12	Mét	40,00	38.000	1.520.000	Trung Quốc
463	Ty ô nhựa phi 6	Mét	10,00	35.000	350.000	Trung Quốc
464	Ty ô phanh chân HD270	Cái	10,00	285.000	2.850.000	Việt Nam
465	Ty ô phanh tay HD270	Cái	10,00	285.000	2.850.000	Việt Nam
466	Thanh giằng gạt mưa HD	Bộ	1,00	3.500.000	3.500.000	Trung Quốc
467	Thốt trung gian mặt máy ép hơi HD270	Cái	1,00	3.500.000	3.500.000	Trung Quốc
468	Trục ắc F50x127	Cái	4,00	750.000	3.000.000	Trung Quốc
469	Trục ắc F50x220	Cái	2,00	750.000	1.500.000	Trung Quốc
470	Trục ắc F80x160	Cái	2,00	1.650.000	3.300.000	Việt Nam
471	Trục ắc guốc phanh trước AM	Bộ	6,00	650.000	3.900.000	Trung Quốc
472	Trục đứng	Cái	5,00	1.200.000	6.000.000	Trung Quốc
473	Trục đứng KM 6520.	Cái	5,00	1.700.000	8.500.000	Trung Quốc
474	Van chia hơi 1 tầng KM 6520	Cái	1,00	930.000	930.000	Trung Quốc
475	Van chia hơi phanh tay HD	Cái	1,00	850.000	850.000	Trung Quốc
476	Van điện từ 24V-F21	Cái	10,00	750.000	7.500.000	Trung Quốc
477	Van điện từ lên ben	Cái	10,00	712.000	7.120.000	Trung Quốc
478	Van xả nước bình hơi	Cái	10,00	65.000	650.000	Trung Quốc

479	Vỏ chân máy KM 6520	Bộ	2,00	2.850.000	5.700.000	Trung Quốc
480	Vỏ vi sai cài cầu Auman	Cụm	2,00	8.500.000	17.000.000	Trung Quốc
481	Vỏ vi sai cài cầu KM 6520	Bộ	1,00	6.500.000	6.500.000	Nga
482	Vòng bi 1032924	Vòng	2,00	1.900.000	3.800.000	Nga
483	Vòng bi 1180305	Vòng	2,00	130.000	260.000	Nga
484	Vòng bi 16004	Vòng	2,00	250.000	500.000	Nhật Bản
485	Vòng bi 30217	Vòng	2,00	900.000	1.800.000	Nhật Bản
486	Vòng bi 30222	Vòng	1,00	3.200.000	3.200.000	Nhật Bản
487	Vòng bi 30312N	Vòng	1,00	1.850.000	1.850.000	Nhật Bản
488	Vòng bi 30313	Vòng	1,00	1.500.000	1.500.000	Nhật Bản
489	Vòng bi 32216	Vòng	4,00	900.000	3.600.000	Nhật Bản
490	Vòng bi 32217	Vòng	2,00	1.050.000	2.100.000	Nhật Bản
491	Vòng bi 32218	Vòng	4,00	1.850.000	7.400.000	Nhật Bản
492	Vòng bi 32310 N	Vòng	5,00	550.000	2.750.000	Nhật Bản
493	Vòng bi 32314	Vòng	1,00	2.050.000	2.050.000	Nhật Bản
494	Vòng bi 6002 N	Vòng	5,00	95.000	475.000	Nhật Bản
495	Vòng bi 6004N	Vòng	5,00	65.000	325.000	Nhật Bản
496	Vòng bi 6007	Vòng	6,00	350.000	2.100.000	Nhật Bản
497	Vòng bi 6019	Vòng	2,00	2.500.000	5.000.000	Nhật Bản
498	Vòng bi 608N	Vòng	5,00	35.000	175.000	Nhật Bản
499	Vòng bi 6202 N	Vòng	5,00	58.000	290.000	Nhật Bản
500	Vòng bi 6203 N	Vòng	5,00	60.000	300.000	Nhật Bản
501	Vòng bi 6204 N	Vòng	5,00	70.000	350.000	Nhật Bản

502	Vòng bi 629N	Vòng	10,00	50.000	500.000	Italia
503	Vòng bi 6302	Vòng	5,00	62.000	310.000	Đài Loan
504	Vòng bi 6305N	Vòng	5,00	125.000	625.000	Pháp
505	Vòng bi 6306 N	Vòng	5,00	70.000	350.000	Nhật Bản
506	Vòng bi 7613 (32313)	Vòng	1,00	1.150.000	1.150.000	Nhật Bản
507	Vòng bi 7615(32315)	Vòng	1,00	1.750.000	1.750.000	Nhật Bản
508	Vòng bi 7815 (30615)	Vòng	1,00	700.000	700.000	Nhật Bản
509	Vòng bi cầu AM 6312	Vòng	2,00	1.050.000	2.100.000	Nhật Bản
510	Vòng bi may ơ sau ngoài KM6520 (7723)	Vòng	1,00	2.500.000	2.500.000	Nga
511	Vòng bi may ơ trong 32220	Vòng	1,00	2.900.000	2.900.000	Đức
512	Vòng bi TR 131305	Vòng	1,00	850.000	850.000	Nhật Bản
513	Vòng bi vi sai cài cầu AM 6312	Vòng	1,00	1.050.000	1.050.000	Nhật Bản
514	Xéc măng ép hơi KM 6520	Bộ	2,00	850.000	1.700.000	Trung Quốc
515	Xi lanh + piston chống mặt nạ ga lăng HD	Cây	2,00	1.750.000	3.500.000	Trung Quốc
516	Xi lanh nâng ca bin KM	Cái	1,00	8.500.000	8.500.000	Trung Quốc
517	Xít to đề xe HD270	Bộ	2,00	1.500.000	3.000.000	Trung Quốc
Tổng cộng					2.883.523.000	
Thuế GTGT 8%					230.681.840	
Tổng cộng sau thuế					3.114.204.840	

Bằng chữ: Ba tỉ một trăm mười bốn triệu hai trăm linh tư nghìn tám trăm bốn mươi đồng./.